Họ tên	Bộ phận	1	2	3	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	20	21	22	23	24	27	28	29	30	Tổng
VI THỊ THANH	TCHC	8.17	8.35	9.3	9.05	8.3			3.52		8.8	8.03	8.52	8.73	8.3	8.18	8.17	8.47	3.68	8.5	8.08	8.78	8.35	**16.18**
Phòng TCHC Count	1																							
LÔ VĂN THƯƠNG	TCKT	5.62	7.67		7.75	8.03	8.52	8.15	4.98	7.93	5.3	5.32	6.9	5.08	3.87	4.85	4.78	5.17	4.95	8.8	5.43	5.1	7.42	**13.88**
NGUYỄN THỊ HÀ	TCKT				8.38	8.53	8.92	8.6	8.38	8.18	8.55	8.6	8.53	8.63	5.33	8.77								**10.47**
VÕ THỊ HÀ	TCKT	7.98	5.42	8.47	8.85	8.12	8.82	5.22		8.15	8.15	8.2	8.32	5.35	7.78	8.27	7.88	8.17	8.02	8.37	8.1	8.05	8.1	**17.23**
Phòng TCKT Count	3																							
ĐỖ THỊ TÂM	KHTH	7.82	9.18	8.9	8.32	9	8.67	8.8	8.57	9.27	8.35	8.55	8.17	8.68	9.1	8.42	8.45	8.7	8.67	8.9			6.98	**17.99**
NGUYỄN SỸ HOÀNG	KHTH	3.72	4.08		8.62	8.33	8.27	8.38	5.53	8.5	5.38	8.55	8.52	1.05	8.58	8.4	8.23			8.52			8.65	**12.77**
KHA VĂN KHẮM	KHTH	8.3	8.68	8.83	8.4	8	8.17	6.48	1.93						8.48	7.4	4.08	5.47	7.7	3.8	8.38	8.4	8.57	**12.72**
KHA THỊ THẢO	KHTH		8.07	8.75	7.67	7.07	5.07	8.37	2.65	8.25	8.27	8.02	8.13	7.32	7.12	7.35	8.55	5.43	8.22	6.98	7.02	7.62	7.52	**16.14**
NGUYỄN THỊ THANH HẢI	KHTH	7.93	8.37	8.58	9.03	8.18	7.45	8.88		8.25	8.15	8.08	8.08	8.18	8.27	7.93	8.18	8.2	8.3	8.3	8.2	8.1	8.25	**18.17**
VI THỊ HIỀN	KHTH	8.25	8.85	5.33	2.93	8.72	8.45	8.33	8.48	8.4	8.2	5.48	8.6	8.37	8.42	8.27	8.62	8.5	8.53	8.5				**15.71**
CỬ Y NHÌA	KHTH	7.78	8.03	8.43	8.18	8.17	7.97	8.03	3.77	8.17	8.9	7.7	7.15	7.82	7.77	7.67	7.87	7.82	7.48	7.8	7.63	7.93		**17.08**
Phòng KHTH Count	7																							
MOONG THỊ THẮM	BGĐ		3.53	8.47	5	8.08	7.93	8.2			1.53	7.58	8.6	8.52	8.87	8.2	7.58			7.98	3.93	7.8	8.32	**12.65**
SẦM VĂN HẢI	BGĐ				8.3	8.62	8.3	4.15		8.43	5.32		4.3	3.73		4.35				8.72			8.82	**7.69**
BAN GIÁM ĐỐC Cou	2																							
Grand Count	13																							